

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thị Bạch Tuyết.
- Bà Hồ Thị Mỹ Phượng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2024/TLST-LĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐST-LĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH S; địa chỉ trụ sở chính: số H, đường số A, khu dân cư C, Phường G, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nhà máy S1: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Dương Quang M, chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ: số C, đường Q, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị B, chức vụ: Giám đốc (có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2024, đơn thay đổi bổ sung yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N trình bày:*

**Đối với tiền lương:** Ngày 11/7/2022, chị N bắt đầu làm việc cho Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty S) nhưng đến ngày 01/11/2022, chị N mới ký Hợp đồng lao động số 45/HĐLĐ-ACTN với Công ty S. Hợp đồng lao động giữa chị N và Công ty S là loại hợp đồng 03 năm, thời hạn hợp đồng là từ ngày 01/11/2022 đến ngày 31/10/2025, thời điểm bắt đầu làm việc là từ ngày ký hợp đồng (ngày 01/11/2022), địa điểm làm việc là Nhà máy Á ngụ tại ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh, công việc chính của chị N là quét keo ở Tổ ghép dọc, thời gian làm việc là 8 giờ/ngày, tiền lương cơ bản ghi trong hợp đồng là 3.894.800 đồng/tháng nhưng thực tế là 4.500.000 đồng/tháng, sau đó mức lương cơ bản tăng lên 4.800.000 đồng/tháng. Ngoài ra, hợp đồng còn có nội dung về chế độ bảo hiểm và chế độ phúc lợi khác.

Tháng 12/2023, nhà máy sản xuất của Công ty S ngưng hoạt động và Công ty S còn nợ tiền lương của chị N, cụ thể:

- Tháng 10/2023 nợ 4.174.000 đồng;
- Tháng 11/2023 nợ 4.104.000 đồng;
- Tháng 12/2023 nợ 370.000 đồng.

Tổng cộng là 8.648.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Nay chị N yêu cầu Công ty S trả tổng số tiền lương còn nợ là 8.648.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

**Đối với tiền bảo hiểm:** Theo hợp đồng lao động số 45/HĐLĐ-ACTN ngày 01/11/2022 thì hàng tháng Công ty S đã trừ của chị N số tiền 409.000 đồng để đóng vào Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, Công ty S không đóng nên chị N không sử dụng được bảo hiểm khi khám chữa bệnh. Vì vậy, chị N yêu cầu Công ty S chấm dứt hợp đồng lao động vào tháng 6/2023, từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 chị N làm việc cho Công ty S không có hợp đồng lao động. Cho nên, Công ty S chỉ trừ tiền bảo hiểm của chị N từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023. Nay chị N yêu cầu Công ty S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng công ty không đến Tòa án để làm việc, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.*

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh trình bày:*

Công ty TNHH S có đăng ký tham gia bảo hiểm cho người lao động là chị Huỳnh Thị Kim N tại Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023 theo mức lương tính đóng bảo hiểm là 3.894.800 đồng. Hiện tại, Công ty S còn nợ tiền bảo hiểm của người lao động (trong đó có chị Huỳnh Thị Kim N) làm việc tại nhà máy sản xuất của công ty N1 ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh tính đến tháng 5/2024 là 725.975.564 đồng. Do đó, Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh yêu cầu Công ty S đóng vào quỹ bảo hiểm xã hội và tiền lãi chậm nộp theo quy định để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm trong thời gian làm việc tại doanh nghiệp.

**\* Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:**

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các Điều 2, 21, 85 và 86 của Luật Bảo hiểm xã hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N. Buộc Công ty TNHH S trả cho chị N số tiền 8.648.000 đồng. Ghi nhận chị N không yêu cầu tính lãi. Công ty TNHH S có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, căn cứ trên mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng. Công ty S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty TNHH S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về tiền lương:

Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 45/HĐLĐ-ACTN ngày 01/11/2022 giữa chị N và Công ty S do nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định giữa chị N và Công ty S có quan hệ lao động.

Theo kết quả xác minh của Tòa án đối với người lao động của Công ty S và căn cứ vào các Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 của Nhà máy Á do Phó Giám đốc Cao Minh H và kế toán Đinh Thị Kim T ký, có cơ sở xác định rằng vào tháng 10, 11 và 12/2023 chị N có làm việc tại nhà máy sản xuất của Công ty S ngụ ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Tại thời điểm nhà máy của Công ty S đóng cửa ngưng hoạt động vào tháng 12/2023, chị N và nhiều người lao động khác chưa được Công ty S thanh toán tiền lương của các tháng 10, 11 và 12/2023. Qua Bảng lương tháng 10/2023 và tháng 11/2023 thể hiện tiền lương mà Công ty S nợ chị N tháng 10/2023 là 4.174.000 đồng, tháng 11/2023 là 4.104.000 đồng. Đối với tiền lương tháng 12/2023, nguyên đơn trình bày do chị N chỉ làm việc cho công ty B1 ngày nên tiền lương là 370.000 đồng, lời trình bày này của nguyên đơn phù hợp với thời điểm nhà máy của Công ty S ngưng hoạt động vào tháng 12/2023.

Đối với bị đơn là Công ty TNHH S, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, Công ty S đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, có cơ sở xác định Công ty S còn nợ tiền lương chưa thanh toán cho chị N từ tháng 10 đến tháng 12/2023 là 8.648.000 đồng.

## **[2.2] Về tiền bảo hiểm:**

Theo Hợp đồng lao động số 45/HĐLD-ACTN ngày 01/11/2022 giữa chị N và Công ty S thì các bên thỏa thuận chế độ bảo hiểm của người lao động theo quy định của Nhà nước ban hành.

Nguyên đơn trình bày Công ty S đã trừ tiền bảo hiểm của chị N là 409.000 đồng/tháng (3.894.800 đồng x 10,5%), trừ từ tháng 11/2022 đến tháng 06/2023. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với thông tin do Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh cung cấp là Công ty S đăng ký tham gia bảo hiểm cho chị N từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, trong thời gian này Công ty S chưa đóng tiền bảo hiểm cho chị N vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ quy định tại Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội, trách nhiệm của người sử dụng lao động là đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hằng tháng phải trích từ lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội. Như vậy, Công ty S đã không thực hiện đúng nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động để người lao động được hưởng quyền lợi bảo hiểm theo quy định. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị N về tiền bảo hiểm là có cơ sở.



[2.3] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N đối với Công ty S. Buộc Công ty S có nghĩa vụ thanh toán cho chị N tiền lương còn nợ của các tháng 10, 11 và 12/2023 tổng cộng là 8.648.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Chị N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc Công ty S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị N vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng, số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Do đó, Công ty S phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ thanh toán tiền lương và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ nộp tiền bảo hiểm, tổng cộng là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

[4] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 90, 95 của Bộ luật Lao động; các Điều 21, 85, 86 và 89 của Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim N đối với Công ty TNHH S về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

**1.1.** Buộc Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán cho chị Huỳnh Thị Kim N tiền lương tháng 10/2023 là 4.174.000 đồng, tháng 11/2023 là 4.104.000 đồng và tháng 12/2023 là 370.000 đồng, tổng cộng 8.648.000 đồng (tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Huỳnh Thị Kim N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH S không thi hành số tiền trên thì hàng tháng Công ty TNHH S còn phải trả cho chị N số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

**1.2.** Buộc Công ty TNHH S phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho chị Huỳnh Thị Kim N vào quỹ bảo hiểm xã hội của Bảo hiểm xã hội huyện T, tỉnh Tây Ninh từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, mức đóng căn cứ mức lương theo hợp đồng lao động là 3.894.800 đồng/tháng,

số tiền phải đóng và tiền lãi chậm đóng thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH S phải chịu là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**